

Số: 149 /2007/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2007

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc thu Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn thành phố Hà Nội**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí, Lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/9/2003 của Chính phủ quy định về việc xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực phí, lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/05/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 03/2007/NQ-HĐND ngày 13/07/2007 Khóa XIII Kỳ họp thứ 9 và Công văn số 181/HĐND-KTNS ngày 21/09/2007 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Liên ngành: Giao thông công chính - Tài chính - Cục Thuế thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 451/TTLN: GTCC-TC-CT ngày 29/05/2007, Tờ trình số 774 /TTLN: GTCC-TC-CT ngày 18/08/2007 và Liên ngành Cục thuế thành phố Hà Nội - Tài chính - Kho bạc Nhà nước Hà Nội tại Tờ trình số 6906 TTrLN/CTHN-STC-KBHN ngày 07/06/2007,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Đối tượng nộp phí:**

Các tổ chức, cá nhân được cung ứng dịch vụ trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô.

## Điều 2. Mức thu phí

### 1. Phí trông giữ xe đạp, xe máy

(1 lượt xe: là một lần xe vào và ra trên điểm trông giữ; Thời gian ban ngày: từ 6 giờ đến 18 giờ, thời gian ban đêm: từ 18 giờ đến 6 giờ ngày hôm sau).

*Đơn vị tính: đồng/xe/lượt*

Nội dung thu phí	Mức thu
- Phí trông giữ xe đạp ban ngày	1.000
- Phí trông giữ xe máy ban ngày	2.000
- Phí trông giữ xe đạp ban đêm	2.000
- Phí trông giữ xe máy ban đêm	3.000
- Phí trông giữ xe đạp theo tháng	25.000
- Phí trông giữ xe máy theo tháng	45.000

Riêng đối với các Huyện ngoại thành (trừ trường hợp trông giữ xe tại các khu văn hoá, thể dục thể thao, vui chơi giải trí và trung tâm triển lãm áp dụng theo các mức thu trên), chợ, trường học, bệnh viện áp dụng theo mức thu như sau:

*Đơn vị tính: đồng/xe/lượt*

Nội dung thu phí	Mức thu
- Phí trông giữ xe đạp ban ngày	500
- Phí trông giữ xe máy ban ngày	1.000
- Phí trông giữ xe đạp ban đêm	1.000
- Phí trông giữ xe máy ban đêm	2.000
- Phí trông giữ xe đạp theo tháng	25.000
- Phí trông giữ xe máy theo tháng	45.000

### 2. Phí trông giữ xe ô tô

#### a) Phí trông giữ xe ô tô theo từng lượt (1 lượt tối đa không quá 120 phút)

+ Xe có 9 ghế ngồi trở xuống và xe tải từ 1,5 tấn trở xuống: 10.000 đ/xe/lượt

+ Xe có 10 ghế ngồi trở lên và xe tải trên 1,5 tấn trở lên: 20.000 đ/xe/lượt

(Quá thời gian 120 phút thì thu thêm các lượt tiếp theo, trường hợp gửi xe qua đêm tính bằng 3 lượt).

#### b) Phí phục vụ tạm dừng, đỗ xe ô tô tháng tại các điểm đỗ xe công cộng:

+ Xe có 9 ghế ngồi trở xuống: 60.000 đ/xe/tháng

+ Xe có 10 ghế ngồi trở lên: 80.000 đ/xe/tháng

+ Xe Taxi: 80.000 đ/xe/tháng

#### c) Phí trông giữ ô tô hợp đồng theo tháng:

**Mức thu đối với loại xe tính theo ghế ngồi (xe con, xe du lịch, xe khách):**

① Tại 4 Quận nội thành: Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa:

- Đối với xe gửi tại nơi không có mái che (Biểu 1):

Đơn vị tính: đồng

Phương thức nhận trông giữ ô tô	Thời gian trông giữ	Mức thu			
		Đến 9 ghế ngồi	Từ 10 ghế đến 16 ghế ngồi	Từ 17 ghế đến 29 ghế ngồi	Từ 30 ghế ngồi trở lên
Trông giữ ban ngày	1 Tháng	300.000	400.000	500.000	600.000
Trông giữ ban đêm	nt	400.000	500.000	600.000	700.000
Trông giữ ngày, đêm	nt	500.000	600.000	700.000	800.000

+ Riêng xe có dung tích máy từ 1.750 cm<sup>3</sup> trở lên và có thời gian sử dụng trong vòng 3 năm kể từ năm sản xuất xe đến thời điểm ký hợp đồng trông giữ xe áp dụng mức thu bằng (=) mức thu quy định tại Biểu 1 nhân (x) với hệ số: K1=1,2

- Đối với xe gửi tại nơi có mái che:

+ Xe có dung tích máy từ 1.750 cm<sup>3</sup> trở lên và có thời gian sử dụng trong vòng 3 năm kể từ năm sản xuất xe đến thời điểm ký hợp đồng trông giữ xe áp dụng mức thu bằng (=) mức thu quy định tại Biểu 1 nhân (x) với hệ số: K2 = 1,8

+ Các loại xe còn lại áp dụng mức thu bằng (=) mức thu quy định tại Biểu 1 nhân (x) với hệ số: K3 = 1,5

② Tại các quận khác

Mức thu phí: bằng (=) mức thu quy định tương ứng với các trường hợp trên của 4 quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa) nhân (x) với hệ số: K4 = 0,8

③ Tại các huyện ngoại thành

Mức thu phí: bằng (=) mức thu quy định tương ứng với các trường hợp trên của 4 quận nội thành (Hoàn Kiếm, Ba Đình, Hai Bà Trưng, Đống Đa) nhân (x) với hệ số: K5 = 0,7

**Mức thu đối với xe tính theo tải trọng (xe tải):**

- ① Tại tất cả các quận trong Thành phố Hà Nội (Biểu 2):

Đơn vị tính: đồng

Phương thức nhận trông giữ ô tô	Thời gian trông giữ	Mức thu			
		Đến 1,5 tấn	Từ 1,6 tấn đến 3,5 tấn	Từ 3,6 tấn đến 7 tấn	Trên 7 tấn
Trông giữ ban ngày	1 Tháng	250.000	300.000	400.000	600.000
Trông giữ ban đêm	nt	300.000	350.000	450.000	700.000
Trông giữ ngày, đêm	nt	350.000	400.000	550.000	800.000

- ② Tại các huyện ngoại thành:

Mức thu phí bằng (=) mức thu quy định tại các quận trong thành phố như nêu ở Biểu 2 nhân (x) với hệ số:  $K = 0,8$

**(Tất cả các mức thu nêu trên đều đã bao gồm thuế GTGT)**

### **Điều 3. Đơn vị thu phí**

1. Các tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

2. Riêng đối với các cơ quan Bộ, cơ quan ngang bộ; cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn Thành phố Hà Nội có trách nhiệm bố trí khu vực để phương tiện giao thông của cán bộ, công chức, viên chức và của người đến giao dịch, làm việc; không được thu phí gửi phương tiện giao thông của người đến giao dịch, làm việc (theo quy định tại Quyết định số 129 /2007/QĐ-TTg ngày 02/08/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Quy chế văn hoá công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước).

3. Trách nhiệm của đơn vị thu phí: niêm yết hoặc thông báo công khai tại địa điểm thu phí về tên phí, mức thu phí, phương thức thu và cơ quan quy định thu. Khi thu tiền phí phải cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô theo quy định.

### **Điều 4. Quản lý, sử dụng tiền phí thu được**

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 (điểm D mục III), Công văn số 5963/BTC-NSNN ngày 08/05/2007 và Công văn số 12602/ BTC- NSNN ngày 12/10/2006 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

1. Đối với các đơn vị được tổ chức theo loại hình doanh nghiệp, các hộ kinh doanh: Số phí trông giữ ô tô, xe máy, xe đạp do các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thu theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao được tính là doanh thu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Các doanh nghiệp, hộ kinh doanh có trách nhiệm quản lý, sử dụng số phí trông giữ ô tô, xe máy, xe đạp theo chế độ quy định về phí, lệ phí và thực hiện nghĩa vụ về thuế với nhà nước theo các quy định hiện hành.

2. Đối với các đơn vị sự nghiệp thực hiện cơ chế tự chủ tài chính: số phí trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp thu theo nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, sau khi được sử dụng để thực hiện các nhiệm vụ chi theo quy định của Nhà nước; phần còn lại phải nộp ngân sách nhà nước và được hạch toán vào Mục lục ngân sách nhà nước theo loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng theo quy định.

3. Đối với các địa phương không tổ chức bộ máy quản lý riêng: số phí trông giữ xe ô tô, xe máy, xe đạp thu được sau khi trừ phần chi phí tổ chức thu, phần còn lại

nộp ngân sách nhà nước và được hạch toán vào Mục lục ngân sách nhà nước theo loại, khoản, mục, tiểu mục tương ứng theo quy định.

### **Điều 5. Chứng từ thu phí**

Sử dụng biên lai thu phí, lệ phí; hoá đơn GTGT hoặc vé in sẵn do Cơ quan thuế phát hành.

### **Điều 6. Xử lý vi phạm**

Các trường hợp vi phạm sẽ bị xử lý theo Nghị định số 106/2003/NĐ-CP ngày 23/09/2003 của Chính phủ và Thông tư số 06/2004/TT-BTC ngày 04/02/2004 của Bộ Tài chính.

### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 45/2004/QĐ-UB ngày 15/03/2004 của Ủy ban nhân dân Thành phố quy định về thu phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô trên địa bàn Thành phố Hà Nội.

### **Điều 8. Tổ chức thực hiện**

Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính; Giao thông công chính; Kho bạc Nhà nước Hà Nội; Cục thuế thành phố Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / VT

#### **Nơi nhận:**

- Như Điều 8;
- TT Thành Ủy, TT HĐND TP; (đề
- Bộ Tài chính; (báo
- Đ/c CT UBND TP; (cáo
- Các đ/c PCT UBND TP;
- CPVP, các Phòng CV;
- Lưu VT Rak

(UBND quận, huyện sao gửi Quyết định này đến UBND xã, phường, thị trấn trực thuộc)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Hoàng Mạnh Hiền**

